



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 43/2026/VBHN-TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức
và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu**

Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 3 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025;

2. Thông tư số 129/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu¹.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu; tổ chức thi, cấp² và thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan

¹ Thông tư số 105/2025/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 và Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (sau đây gọi là Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT)."

Thông tư số 129/2026/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đấu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia."

² Cụm từ "cấp lần đầu, cấp lại, cấp gia hạn" được thay thế bởi cụm từ "cấp" theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu*³ là chứng chỉ điện tử được cấp trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này. Mẫu chứng chỉ quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. *Chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu* là chi phí dự thi và cấp⁴ chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

3. *Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (sau đây gọi là Hệ thống)* là hệ thống công nghệ thông tin có địa chỉ tại <https://chungchidauthau.mof.gov.vn>⁵ thực hiện các chức năng:

a) Đăng tải thông tin liên quan đến hoạt động tổ chức thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

b) Tiếp nhận và phản hồi thông tin đối với hồ sơ đăng ký thi cấp⁶ chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

c) Tổ chức thi trực tuyến nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

d) Quản lý cơ sở dữ liệu cá nhân được cấp⁷, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

đ) Quản lý cơ sở dữ liệu cơ quan tổ chức thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

e) Các chức năng liên quan khác.

4. *Hướng dẫn sử dụng* là tài liệu điện tử được đăng tải trên Hệ thống để hướng dẫn người dùng thực hiện các giao dịch trên Hệ thống.

5. *Tổ chức tham gia Hệ thống* là các cơ quan, đơn vị tham gia Hệ thống để thực hiện⁸ hoạt động như sau:

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁴ Cụm từ “cấp lần đầu, cấp lại, cấp gia hạn” được thay thế bởi cụm từ “cấp” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁵ Cụm từ “<https://chungchidauthau.mpi.gov.vn>” được thay thế bởi cụm từ “<https://chungchidauthau.mof.gov.vn>” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁶ Cụm từ “cấp lần đầu, cấp lại, cấp gia hạn” được thay thế bởi cụm từ “cấp” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁷ Cụm từ “cấp lần đầu, cấp lại, cấp gia hạn” được thay thế bởi cụm từ “cấp” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁸ Cụm từ “một hoặc nhiều” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

a) Tiếp nhận⁹ hồ sơ đăng ký thi cấp¹⁰ chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

b) Tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

c) Cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

6. *Tài khoản tham gia Hệ thống* là tài khoản được cấp cho Tổ chức tham gia Hệ thống để thực hiện¹¹ hoạt động quy định tại khoản 5 Điều này.

7. *Tài khoản chức năng* là tài khoản được tạo bởi Tài khoản tham gia Hệ thống để thực hiện các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống.

8. *Thi trực tuyến* là hình thức thí sinh làm bài thi trên máy tính thông qua phần mềm thi thuộc Hệ thống.

9. *Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu (sau đây gọi là Trung tâm)* là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Tài chính¹² có nhiệm vụ xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì và nâng cấp Hệ thống.

Điều 4. Đăng ký tham gia Hệ thống và xử lý hồ sơ đăng ký

1. Tổ chức tham gia Hệ thống thực hiện đăng ký trên Hệ thống. Đơn đăng ký quy định tại¹³ Mẫu số 02 Phụ lục 03 của Thông tư này. Quy trình đăng ký thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

2. Bổ sung, sửa đổi thông tin đã đăng ký trên Hệ thống:

Việc sửa đổi thông tin đã đăng ký trên Hệ thống (bao gồm việc bổ sung các hoạt động cho Tài khoản tham gia Hệ thống) được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

3. Chấm dứt hoặc tạm ngừng tham gia Hệ thống:

Hệ thống chấm dứt hoặc tạm ngừng hoạt động của Tài khoản tham gia Hệ thống khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp Tổ chức tham gia Hệ thống có yêu cầu tạm ngừng toàn bộ hoặc một số hoạt động của Tài khoản tham gia Hệ thống thì thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*,

b) Trường hợp đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu không nộp chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Thông tư này thì Hệ thống tạm

⁹ Cụm từ “kiểm tra” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

¹⁰ Cụm từ “cấp lần đầu, cấp lại, cấp gia hạn” được thay thế bởi cụm từ “cấp” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

¹¹ Cụm từ “một hoặc một số” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

¹² Cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Tài chính” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

¹³ Cụm từ “Mẫu số 01,” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

ngừng hoạt động tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của Tài khoản tham gia Hệ thống;

c) Trường hợp Tổ chức tham gia Hệ thống đã giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì Hệ thống sẽ cập nhật trạng thái chấm dứt Tài khoản tham gia Hệ thống.

4. Khôi phục Tài khoản tham gia Hệ thống:

Việc khôi phục Tài khoản tham gia Hệ thống sau khi đã tạm ngừng hoặc chấm dứt theo quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

5. Quy trình và thời hạn xử lý hồ sơ:

Trung tâm có trách nhiệm xử lý hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2, các điểm a, b khoản 3 và khoản 4 Điều này trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu trên Hệ thống, đồng thời thông báo kết quả xử lý cho Tổ chức tham gia Hệ thống qua bảng thông báo trên Hệ thống, thư điện tử (e-mail), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc các kênh thông tin khác và được hướng dẫn chi tiết trong *Hướng dẫn sử dụng*.

Chương II

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, CẬP NHẬT KIẾN THỨC, NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU

Điều 5. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

Người làm công tác đấu thầu có trách nhiệm tự cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu hoặc tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn do Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp hoặc cơ sở đào tạo đấu thầu tổ chức.

Điều 6. Nội dung chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng:

a) Nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư do Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo quy định trên cơ sở tham khảo các nội dung theo Chương trình khung được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này bảo đảm phù hợp với yêu cầu của từng đối tượng học viên;

b) Thời lượng của mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu do Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo đấu thầu xác định bảo đảm đáp ứng mục đích, yêu cầu của khóa đào tạo, bồi dưỡng.

2. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo hình thức tập trung, bán tập trung, từ xa.

Chương III

TỔ CHỨC THI, CẤP, THU HỒI CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU

Mục 1

CẤP, THU HỒI CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU

Điều 7. Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1.¹⁴ Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu được cấp cho cá nhân bao gồm:

a) Cá nhân tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 19 Luật Đấu thầu và quy định tại Điều 21 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

b)¹⁵ Cá nhân tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;

c) Cá nhân tham gia tổ chuyên gia, đơn vị thẩm định lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại Điều 32 và khoản 3, khoản 4 Điều 33 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2.¹⁶ Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu:

Cá nhân được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản này và thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d và đ sau đây:

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị thu hồi chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này;

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

¹⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

¹⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

b) Đạt kỳ thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định của Thông tư này;

c) Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đã được cấp còn thời hạn nhưng do thay đổi thông tin trên chứng chỉ;

d) Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này. Trường hợp chứng chỉ hết hiệu lực, cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ phải thực hiện đăng ký cấp chứng chỉ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 15 ngày trước ngày hết hiệu lực của chứng chỉ. Sau thời hạn này, cá nhân không được cấp chứng chỉ và phải dự thi, cấp chứng chỉ theo quy định tại điểm b khoản này nếu có nhu cầu;

đ) Chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu đã được cấp còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng.

Điều 8. Hiệu lực, quy cách của chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1.¹⁷ Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu được cấp trong trường hợp quy định tại điểm b và điểm d khoản 2 Điều 7 của Thông tư này có hiệu lực trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Quyết định cấp chứng chỉ có hiệu lực. Trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu được cấp theo quy định tại điểm c và điểm đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư này thì ghi thời hạn theo chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu được cấp trước đó.

2. Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có quy cách và nội dung theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Cơ quan, đơn vị tổ chức thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu¹⁸

Đơn vị tổ chức thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng đào tạo, bồi dưỡng thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 10. Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1.¹⁹ Cá nhân là thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu bị xử lý theo quy định tại khoản 9 Điều 133 Nghị định

¹⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

¹⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

¹⁹ Các khoản 1 và 2 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được chủ đầu tư đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và trích xuất hoặc liên thông cơ sở dữ liệu đến Hệ thống.

2. Thông tin của cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thể hiện trạng thái “chứng chỉ bị thu hồi”.

3. Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu được thi cấp chứng chỉ mới sau 02 năm kể từ ngày bị thu hồi chứng chỉ.

Mục 2

HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI, ĐỀ THI, HỘI ĐỒNG THI VÀ CÁC BAN GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG THI

Điều 11. Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi do Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Tài chính²⁰ thành lập.

2. Thành phần Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi gồm Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Cục Quản lý đấu thầu; các Phó chủ tịch hội đồng và các thành viên.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi:

- a) Xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi;
- b) Nhập ngân hàng câu hỏi và thiết lập cấu trúc đề thi trên Hệ thống;
- c)²¹ *(được bãi bỏ)*

d) Thực hiện các công việc liên quan khác theo yêu cầu của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu.

4. Ngân hàng câu hỏi, đề thi:

a) Ngân hàng câu hỏi là tập hợp các câu hỏi trắc nghiệm. Nội dung ngân hàng câu hỏi phải bảo đảm tính chính xác, khoa học; mỗi câu hỏi có đáp án, thang điểm chi tiết; ngân hàng câu hỏi được lưu trữ²²;

b) Đề thi được xây dựng trên cơ sở hoán vị tự động các câu hỏi từ ngân hàng câu hỏi theo từng kỳ thi; được bảo mật trên Hệ thống và được gửi tự động ngẫu nhiên đến máy tính từng thí sinh trước giờ thi.

²⁰ Cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Tài chính” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

²¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

²² Cụm từ “, bảo mật thông tin” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

Điều 12. Hội đồng thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Hội đồng thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu do người đứng đầu đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quyết định thành lập. Chủ tịch Hội đồng thi sử dụng con dấu của đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu khi giao dịch với các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình tổ chức thi và các hoạt động liên quan khác.

2. Thành phần Hội đồng thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng thi là lãnh đạo của đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

b) Các ủy viên.

3. Hội đồng thi có nhiệm vụ thực hiện các công việc sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức các kỳ thi;

b) Trình lãnh đạo đơn vị tổ chức thi quyết định thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng thi, bao gồm: Ban Thư ký - Giám sát, Ban Coi thi - Hậu cần;

c) Tổ chức thi;

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thi;

đ) Giải quyết kiến nghị liên quan đến kỳ thi;

e) Tổng kết công tác thi;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng thi:

a) Hội đồng thi làm việc theo chế độ tập thể. Các quyết định của Hội đồng thi thực hiện theo nguyên tắc biểu quyết với trên 50% ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng thi;

b) Hội đồng thi tổ chức các cuộc họp theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng thi. Nội dung các cuộc họp được ghi thành biên bản và lưu giữ theo quy định.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban giúp việc Hội đồng thi

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thư ký - Giám sát:

a) Bộ phận Thư ký: chuẩn bị các văn bản, tài liệu cần thiết của Hội đồng thi; tổng hợp, báo cáo kết quả thi với Hội đồng thi; tổng hợp các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ thi để báo cáo Hội đồng thi xem xét, giải quyết; thực hiện các công việc liên quan khác theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thi;

b) Bộ phận Giám sát: tổ chức giám sát toàn bộ các công việc trong quá trình tổ chức thi; báo cáo và đề xuất Chủ tịch Hội đồng thi xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy chế thi của thành viên các Ban giúp việc Hội đồng thi; thực hiện các công việc liên quan khác theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thi;

c) Thành viên Ban Thư ký - Giám sát không được tham gia Ban Coi thi - Hậu cần.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Coi thi - Hậu cần:

a) Bộ phận Coi thi: xây dựng kế hoạch coi thi, phân công giám thị coi thi và tổ chức thực hiện coi thi theo quy chế thi; thông báo cho Trưởng ban Coi thi - Hậu cần để xem xét, báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi quyết định việc đình chỉ coi thi đối với giám thị, đình chỉ thi đối với thí sinh nếu phát hiện vi phạm quy chế thi; bố trí Giám thị phòng thi bảo đảm giám sát, quản lý toàn bộ quá trình làm bài thi của thí sinh, mỗi phòng thi được bố trí tối thiểu 01 giám thị; thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thi;

b) Bộ phận Hậu cần: chủ trì, phối hợp với các Ban giúp việc liên quan để tổng hợp, xây dựng kế hoạch tổ chức kỳ thi, báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi để trình lãnh đạo đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu xem xét, quyết định; thực hiện công tác hậu cần phục vụ kỳ thi bao gồm: địa điểm thi; thiết bị; văn phòng phẩm; bố trí phương tiện đi lại của các thành viên Hội đồng thi, thành viên các Ban giúp việc Hội đồng thi; thực hiện việc đăng tải các thông tin về kỳ thi, kết quả thi lên Hệ thống theo quy định; thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thi;

c) Thành viên Ban Coi thi - Hậu cần thực hiện công tác coi thi không được tham gia Ban Thư ký - Giám sát.

3. Các Ban giúp việc cho Hội đồng thi tự giải thể sau khi hoàn thành các nghĩa vụ đối với từng kỳ thi hoặc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình đối với các kỳ thi tiếp theo nếu không có thay đổi, điều chỉnh, bổ sung nhân sự.

Mục 3

TỔ CHỨC THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU

Điều 14. Yêu cầu tổ chức thi

1. Điều kiện đối với đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu:

a)²³ Là đơn vị được quy định tại Điều 9 của Thông tư này;

b) Có hồ sơ đăng ký tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Có năng lực, nguồn lực để tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu quy định tại Điều 12, Điều 13 và khoản 3 Điều này.

2.²⁴ Trình tự, thủ tục đăng ký tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu:

²³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

²⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

a) Đơn vị quy định tại Điều 9 của Thông tư này thực hiện đăng ký đề tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo Hướng dẫn sử dụng;

b) Danh sách đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu được tự động cập nhật trên Hệ thống sau khi được cấp tài khoản tham gia Hệ thống.

3. Đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có trách nhiệm bố trí địa điểm tổ chức thi đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất gồm:

a) Khu vực tổ chức thi có diện tích tối thiểu đủ để bố trí bàn ghế và ít nhất 50 máy tính;

b)²⁵ Hệ thống máy tính có kết nối mạng Internet bảo đảm ổn định, không bị gián đoạn trong quá trình thí sinh làm bài thi;

c) Hệ thống camera quan sát: có bố trí camera giám sát có độ phân giải tối thiểu 1920 x 1080 (1080P), bảo đảm quan sát được toàn bộ khu vực tổ chức thi và có khả năng lưu trữ dữ liệu trong thời gian tối thiểu 30 ngày kể từ ngày tổ chức thi;

d) Máy in: được bố trí tối thiểu 01 máy in phục vụ in phiếu kết quả thi và 01 máy in dự phòng sử dụng trong trường hợp cần thiết.

Điều 15. Kế hoạch tổ chức thi và mở kỳ thi trên Hệ thống²⁶

1. Kế hoạch tổ chức thi hàng năm (bao gồm thông tin ngày thi, ca thi) được mở trên Hệ thống để đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thực hiện chọn và tạo kỳ thi theo nhu cầu của đơn vị (bao gồm các thông tin chính: kỳ thi, ca thi, địa điểm (tỉnh, thành phố) tổ chức thi, số lượng thí sinh tối đa tại mỗi địa điểm thi, chi phí dự thi, thời hạn đăng ký dự thi, thời hạn nộp chi phí dự thi).

2. Thời hạn bắt đầu mở đăng ký dự thi trên Hệ thống phải bảo đảm trước ngày tổ chức thi tối thiểu 20 ngày. Trường hợp tổ chức kỳ thi riêng cho các cơ quan, doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Thông tư này, đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có thể điều chỉnh thời hạn bắt đầu mở đăng ký dự thi trên Hệ thống bảo đảm trước ngày tổ chức thi tối thiểu 10 ngày.

Điều 16. Công tác chuẩn bị tổ chức thi

1.²⁷ Thời gian dự kiến tổ chức thi, chi phí dự thi được thông báo trên Hệ thống trước ngày thi dự kiến tối thiểu 20 ngày. Đối với trường hợp tổ chức thi riêng cho cơ quan, doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Thông tư này, thời gian dự kiến tổ chức thi, chi phí dự thi được thông báo trên Hệ thống trước ngày thi dự kiến tối thiểu 10 ngày.

²⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

²⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

²⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

2.²⁸ Trước ngày thi tối thiểu 07 ngày, danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, thông báo triệu tập thi được đăng tải trên Hệ thống, đồng thời Hệ thống tự động gửi email thông báo triệu tập thi tới các thí sinh đủ điều kiện dự thi. Đối với trường hợp tổ chức thi riêng cho cơ quan, doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Thông tư này, trước ngày thi tối thiểu 04 ngày, danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, thông báo triệu tập thi được đăng tải trên Hệ thống, đồng thời Hệ thống tự động gửi email thông báo triệu tập thi tới các thí sinh đủ điều kiện dự thi.

3.²⁹ Trước ngày thi tối thiểu 03 ngày, danh sách chia phòng thi (họ và tên thí sinh dự thi, số báo danh, địa điểm thi, số phòng thi) được đăng tải trên Hệ thống. Đối với trường hợp tổ chức thi riêng cho cơ quan, doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Thông tư này, trước ngày thi tối thiểu 02 ngày, danh sách chia phòng thi (họ và tên thí sinh dự thi, số báo danh, địa điểm thi, số phòng thi) được đăng tải trên Hệ thống.

4. Trước ngày thi tối thiểu 01 ngày, Hội đồng thi niêm yết danh sách thí sinh theo số báo danh và theo phòng thi tại địa điểm tổ chức thi.

5. Trước ngày thi tối thiểu 01 ngày, Ban Coi thi - Hậu cần phải hoàn thành các công tác chuẩn bị cho kỳ thi như sau:

- a) Chuẩn bị các mẫu biên bản, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức thi;
- b) Chuẩn bị thẻ cho các thành viên Hội đồng thi, Ban Coi thi - Hậu cần, Ban Thư ký - Giám sát;
- c) Chuẩn bị các tài liệu và thực hiện các công việc khác có liên quan.

Điều 17. Đăng ký thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu³⁰

1. Đối với cá nhân đăng ký dự thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu:

a) Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu gửi hồ sơ đăng ký thi trên Hệ thống đến đơn vị tổ chức thi thuộc danh sách công khai trên Hệ thống theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này;

b) Cá nhân được đưa vào danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi khi đã đăng ký thi thành công và nộp đầy đủ chi phí dự thi theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Thông tư này;

c) Cá nhân thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thi, cấp chứng chỉ đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư này và hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ đối với các trường hợp quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 7

²⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

²⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

³⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

của Thông tư này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và hồ sơ được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trên webform. Thí sinh có thể tự chỉnh sửa và cập nhật thông tin hồ sơ trên Hệ thống trước khi hết hạn đăng ký. Sau thời điểm hết hạn đăng ký, thí sinh có thể đính chính thông tin theo Hướng dẫn sử dụng. Trường hợp thông tin đính chính của thí sinh làm thay đổi cơ bản các thông tin của người đăng ký ban đầu thì nội dung đính chính là không hợp lệ và bị từ chối.

2. Đối với cơ quan, doanh nghiệp đăng ký dự thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu:

a) Trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, ủy ban nhân dân các cấp, tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp có nhu cầu tổ chức thi tập trung cho công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị với số lượng tối thiểu 300 thí sinh/ca thi thì gửi văn bản đề nghị kèm theo danh sách đến đơn vị tổ chức thi thuộc danh sách công khai trên Hệ thống theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này theo Hướng dẫn sử dụng;

b) Hồ sơ đăng ký thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của từng cá nhân thuộc cơ quan, doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Hình thức, nội dung thi trực tuyến

1. Hình thức thi: thi trắc nghiệm trong thời gian tối đa 90 phút.

2. Nội dung đề thi bao gồm:

- a) Câu hỏi kiến thức liên quan đến từng lĩnh vực đấu thầu cụ thể;
- b) Câu hỏi kiến thức về pháp luật liên quan đến hoạt động đấu thầu;
- c) Câu hỏi kiến thức chuyên sâu về quy định của pháp luật đấu thầu;
- d) Câu hỏi kiến thức, bài tập về xử lý tình huống trong đấu thầu.

Điều 19. Kết thúc bài thi và bàn giao danh sách điểm bài thi

1.³¹ Kết thúc thời gian làm bài thi, thí sinh nộp bài hoặc Hệ thống tự động nộp bài khi hết giờ làm bài thi, số điểm thi của thí sinh đạt được sẽ công khai trên màn hình máy tính, đồng thời gửi về tài khoản tham gia Hệ thống của thí sinh.

2. Trưởng ban Ban Coi thi - Hậu cần tổng hợp và bàn giao danh sách, các tài liệu liên quan cho Trưởng ban Ban Thư ký - Giám sát chậm nhất trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thi.

Điều 20. Chấm thi và công bố kết quả thi

1. Chức năng thi trực tuyến trên Hệ thống tự động chấm điểm bài thi của

³¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

thí sinh theo đề thi và đáp án tương ứng.

2. Điểm của bài thi phải được ghi rõ bằng số vào phần chấm điểm trên Hệ thống.

3. Kết quả xếp loại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu:

a) Loại xuất sắc: đối với bài thi có kết quả đạt từ³² 90% tổng số điểm trở lên;

b) Loại giỏi: đối với bài thi có kết quả đạt từ 80% đến dưới 90% tổng số điểm;

c) Loại khá: đối với bài thi có kết quả đạt từ 60% đến dưới 80% tổng số điểm;

d) Loại trung bình: đối với bài thi có kết quả đạt từ 50% đến dưới 60% tổng số điểm;

d) Không đạt yêu cầu: đối với bài thi có kết quả đạt dưới 50% tổng số điểm;

4. Ban Thư ký - Giám sát tổng hợp kết quả thi và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi.

5. Căn cứ kết quả thi do Hội đồng thi tổng hợp, đơn vị tổ chức thi trình, cơ quan cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu ban hành quyết định công nhận kết quả thi. Cơ quan cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu công khai quyết định công nhận kết quả thi trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành.

Điều 21. Giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh trong quá trình dự thi

1. Trong quá trình tham dự thi, trường hợp cá nhân tham dự thi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng thì gửi đơn kiến nghị, phản ánh đến Hội đồng thi.

2. Hội đồng thi xem xét, giải quyết trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị, phản ánh. Trường hợp đơn kiến nghị, phản ánh không có chữ ký, đóng dấu (nếu có) của người gửi đơn hoặc nội dung kiến nghị, phản ánh sai sự thật, Hội đồng thi không xem xét, giải quyết.

Điều 22. Thời hạn cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu³³

1. Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư này:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả thi, đơn vị tổ chức thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu ban hành quyết định cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Đơn vị tổ chức thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu công khai quyết định cấp chứng chỉ trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành.

³² Cụm từ "lớn hơn" được thay thế bởi cụm từ "từ" theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

³³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

Chứng chỉ điện tử được gửi về tài khoản cá nhân đăng ký trên Hệ thống trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

2. Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đối với trường hợp quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư này:

Cá nhân sẽ nhận được chứng chỉ điện tử gửi về tài khoản tham gia Hệ thống trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Điều 23. Lưu trữ hồ sơ cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Hồ sơ đăng ký thi³⁴ đề nghị cấp³⁵ chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu được lưu trữ trên Hệ thống.

2. Đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có trách nhiệm lưu trữ các quyết định liên quan đến việc tổ chức thi trong thời hạn tối thiểu là 05 năm kể từ khi ban hành quyết định, bao gồm:

a) Quyết định thành lập Hội đồng thi; quyết định thành lập các Ban giúp việc Hội đồng thi;

b) Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi;

c) Các tài liệu liên quan khác đến việc tổ chức kỳ thi.

3. Cơ quan cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có trách nhiệm lưu trữ các quyết định liên quan đến việc cấp, thu hồi chứng chỉ trong thời hạn tối thiểu là 05 năm kể từ khi ban hành quyết định, bao gồm:

a) Quyết định công nhận kết quả thi;

b) Quyết định cấp³⁶, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

4. Bộ đề thi kèm theo đáp án, bài thi của từng kỳ thi được lưu trữ trên Hệ thống.

Mục 4

YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC BÊN THAM GIA KỲ THI

Điều 24. Yêu cầu đối với thành viên tổ chức thi, thí sinh

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thành viên Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi, Hội đồng thi và thành viên các Ban giúp việc Hội đồng thi không được thực hiện các hành vi sau đây:

³⁴ Cụm từ “lần đầu,” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

³⁵ Cụm từ “cấp lại, cấp gia hạn” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

³⁶ Cụm từ “cấp lần đầu, cấp lại, cấp gia hạn” được thay thế bởi cụm từ “cấp” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

a) Cho phép thí sinh dự thi mang và sử dụng các vật dụng, thiết bị quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

b) Trực tiếp giải bài hoặc hướng dẫn cho thí sinh trong thời gian thi;

c) Làm lộ đề thi; mua, bán đề thi;

d) Sửa chữa, thêm, bớt vào bài thi của thí sinh trên Hệ thống thi;

đ) Bao che, tạo điều kiện để thí sinh làm bài hộ nhau;

e) Các hành vi khác làm thay đổi kết quả của bài thi, kỳ thi.

Thành viên Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi, Hội đồng thi và thành viên các Ban giúp việc Hội đồng thi có hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Thí sinh tham dự thi không được thực hiện các hành vi sau đây:

a) Trao đổi thông tin, tài liệu với thí sinh khác trong quá trình thi;

b) Cố ý ngồi không đúng chỗ ghi số báo danh của mình;

c) Nhìn bài, chép bài của thí sinh khác hoặc có bất kỳ hành vi gian lận nào trong quá trình thi;

d) Mang vào khu vực thi và phòng thi vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, phương tiện thu, phát, truyền tin, ghi âm, ghi hình, thiết bị chứa đựng thông tin có thể lợi dụng để làm bài thi và các vật dụng gây nguy hại khác;

đ) Đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài giải từ ngoài dưới mọi hình thức;

e) Có hành động gây gổ, đe dọa, hành hung cán bộ có trách nhiệm trong kỳ thi hoặc thí sinh khác;

g) Nhờ người khác thi hộ, làm bài hộ dưới mọi hình thức;

h) Có hành động phá hoại kỳ thi;

i) Các hành vi khác làm thay đổi kết quả của bài thi, kỳ thi.

Điều 25. Các hình thức xử lý vi phạm trong kỳ thi

1. Thí sinh vi phạm quy định của kỳ thi bị lập biên bản và tùy mức vi phạm bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

a) Nhắc nhở: áp dụng đối với thí sinh dự thi vi phạm lần đầu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 của Thông tư này;

b) Khiển trách: áp dụng đối với thí sinh bị nhắc nhở lần thứ hai hoặc vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 24 của Thông tư này; thí sinh bị khiển trách sẽ bị trừ 25% số điểm thi của bài thi đó;

c) Cảnh cáo: áp dụng đối với thí sinh bị khiển trách lần thứ hai hoặc vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 24 của Thông tư này; thí sinh bị cảnh cáo sẽ bị

trừ 50% số điểm thi của bài thi đó;

đ) Đình chỉ thi: áp dụng đối với thí sinh bị cảnh cáo lần thứ hai hoặc vi phạm quy định tại các điểm đ, e, i khoản 2 Điều 24 của Thông tư này; thí sinh bị kỷ luật đình chỉ thi trong khi thi sẽ bị điểm không (0) bài thi đó và phải ra khỏi phòng thi ngay sau khi có quyết định;

đ) Thí sinh vi phạm quy định tại các điểm g, h khoản 2 Điều 24 của Thông tư này bị đình chỉ thi và không được tham dự các kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn 02 năm kể từ ngày vi phạm.

2. Việc xử lý kỷ luật thí sinh phải được lập thành biên bản, có chữ ký của giám thị coi thi phòng thi đó và được thông báo cho thí sinh. Trường hợp thí sinh không ký tên vào biên bản thì các giám thị coi thi ghi rõ nội dung này trong biên bản. Trường hợp giữa các giám thị coi thi không nhất trí về cách xử lý thì ghi rõ ý kiến vào biên bản để báo cáo Trường ban Ban Coi thi - Hậu cần xem xét, báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi quyết định.

3. Việc xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này do giám thị phòng thi quyết định. Trường hợp thí sinh không đồng ý chấp hành hình thức kỷ luật theo quyết định này, giám thị phòng thi báo cáo Trường ban Ban Coi thi - Hậu cần quyết định.

4. Việc đình chỉ thi do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định; việc cấm thi do người đứng đầu đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi.

Chương IV

NGUYÊN TẮC THU, CHI, NỘI DUNG CHI, MỨC THU VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHI PHÍ THI, CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU

Điều 26. Nguyên tắc thu, chi và quản lý, sử dụng khoản thu chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Hoạt động thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu là hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị tổ chức thi.

2. Cá nhân có nhu cầu đăng ký dự thi và cấp chứng chỉ³⁷ phải nộp chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

3. Đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thực hiện thu, quản lý, sử dụng chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu. Mức thu chi phí thi, cấp chứng chỉ và phương thức nộp chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thực hiện theo thông báo của đơn vị tổ chức thi. Chi

³⁷ Cụm từ “lần đầu, cấp lại chứng chỉ, cấp gia hạn chứng chỉ” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu không được hoàn trả, trừ trường hợp đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thông báo hủy tổ chức thi.

4. Chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu là khoản thu hợp pháp của đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại khoản 3 Điều này và được sử dụng để chi trả cho các hoạt động phục vụ công tác tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu. Trường hợp thu lớn hơn chi thì đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu được bổ sung số tiền còn dư vào nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị để sử dụng theo cơ chế tài chính của đơn vị.

Điều 27. Nội dung chi phục vụ hoạt động thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Nội dung chi phục vụ hoạt động thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu gồm:

- a) Chi phục vụ hoạt động của Hội đồng thi và các Ban giúp việc Hội đồng thi;
- b) Chi công tác phí cho các cá nhân tham gia tổ chức thi;
- c) Chi mua sắm, thuê máy móc, thiết bị (nếu có); địa điểm phục vụ thi;
- d) Chi in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc;
- đ) Chi tổ chức hội nghị, chi tổ chức họp phục vụ thi, cấp chứng chỉ;
- e) Chi xây dựng, nâng cấp, quản lý, vận hành, duy trì Hệ thống và chi cho công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi;
- g) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (nếu có).

2. Mức chi của các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính của pháp luật hiện hành và cơ chế tài chính của đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Điều 28. Mức thu chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu³⁸

1. Mức thu chi phí thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư này tối đa là 800.000 đồng/thí sinh/kỳ thi.

2. Mức thu chi phí cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đối với trường hợp quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư này là 100.000 đồng/lần.

³⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

3. Không thu chi phí cấp chứng chỉ do thay đổi thông tin đối với trường hợp thông tin trên chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu bị sai hoặc không thống nhất với thông tin thí sinh đã đăng ký trên Hệ thống. Trường hợp cá nhân cần điều chỉnh thông tin so với thông tin đã đăng ký và được cấp chứng chỉ thì cá nhân thực hiện đăng ký cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 của Thông tư này.

4. Mức thu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này. Trường hợp cần điều chỉnh mức thu chi phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu thực tiễn công tác tổ chức thi, Cục Quản lý đấu thầu trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Điều 29. Quản lý, sử dụng chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế thu, chi để quản lý, sử dụng chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu tiết kiệm, bảo đảm hiệu quả hoạt động của công tác thi, cấp chứng chỉ và phù hợp với cơ chế tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật; quyết toán thu, chi theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày tổ chức thi, đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có trách nhiệm chi trả cho Trung tâm 200.000 đồng/thí sinh/kỳ thi (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn Luật này) để Trung tâm quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 30 của Thông tư này.

Điều 30. Quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng ngân hàng câu hỏi và bù đắp chi phí xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì, nâng cấp Hệ thống

1. Trung tâm sử dụng kinh phí thu tại khoản 2 Điều 29 của Thông tư này để chi cho các nội dung sau:

a) Chi trả thù lao xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi và các chi phí khác phục vụ công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi;

b) Chi bù đắp kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì và nâng cấp Hệ thống;

c) Chi hoạt động hướng dẫn, đào tạo người sử dụng Hệ thống;

d) Chi hoạt động liên quan đến công việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký tham gia Hệ thống;

đ) Các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư khác phục vụ Hệ thống;

e) Chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định (nếu có).

2. Mức chi đối với các nội dung tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ chi tiêu tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ chế tài chính của Trung tâm và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm. Trường hợp thu lớn hơn chi thì được bổ sung số tiền còn dư vào nguồn kinh phí hoạt động để sử dụng theo cơ chế tài chính của đơn vị.

3. Chênh lệch thu, chi sau khi nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) được trích lập vào các quỹ và sử dụng theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc hạch toán kế toán, quyết toán thu, chi thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, CẬP NHẬT KIẾN THỨC, NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU VÀ THI, CẤP, THU HỒI CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU

Điều 31. Trách nhiệm của Cục Quản lý đấu thầu

1.³⁹ (được bãi bỏ)

2. Thành lập Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

3. Quản lý hoạt động tổ chức thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

4.⁴⁰ (được bãi bỏ)

Điều 32. Trách nhiệm của Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu

1.⁴¹ Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì, nâng cấp Hệ thống để bảo đảm các chức năng của Hệ thống quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này hoạt động ổn định, an toàn.

Chỉnh sửa các tính năng, biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống để bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền về chuyển đổi số, kết nối cơ sở dữ liệu và bảo đảm thuận tiện cho công tác quản lý nhà nước về đấu thầu, người sử dụng. Thông tin của tổ chức, cá nhân tại các biểu mẫu kê khai có thể được xác thực bằng chữ ký số, liên thông cơ sở dữ liệu

³⁹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁴⁰ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁴¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

hoặc các hình thức phù hợp khác.

2. Tổ chức thu, quản lý, sử dụng chi phí để bù đắp xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì, nâng cấp Hệ thống và chi phí cho công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi theo quy định tại khoản 2 Điều 29 và Điều 30 của Thông tư này.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ Tài chính⁴², Cục Quản lý đấu thầu giao.

Điều 33. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu

1. Xây dựng tài liệu giảng dạy phù hợp với đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

2. Lựa chọn giảng viên có uy tín, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với nội dung đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 34.⁴³ (được bãi bỏ)

Điều 35. Trách nhiệm của đơn vị tổ chức thi, cấp, thu hồi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu⁴⁴

1. Xây dựng và ban hành quy chế tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu tuân thủ quy định tại Thông tư này.

2. Xây dựng và ban hành quy chế thu, chi để quản lý, sử dụng chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

3. Tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại Thông tư này và các hướng dẫn liên quan.

3a.⁴⁵ Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

3b.⁴⁶ Chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ quá trình đăng ký, tổ chức thi, cấp và thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu giao.

⁴² Cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Tài chính” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁴³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁴⁴ Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁴⁵ Khoản 3a Điều này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁴⁶ Khoản 3b Điều này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

Điều 36. Trách nhiệm của cá nhân được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Tự cập nhật kiến thức, cơ chế, chính sách pháp luật hoặc tham gia cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu do Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp hoặc cơ sở đào tạo đấu thầu tổ chức để hoàn thành trách nhiệm được giao theo quy định của Luật Đấu thầu.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động đấu thầu.

3. Báo cáo về quá trình hoạt động đấu thầu khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan khác có thẩm quyền.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁴⁷

Điều 37. Quy định chuyển tiếp

1.⁴⁸ Chứng chỉ tham gia khóa học về đấu thầu, chứng chỉ đào tạo về đấu thầu được cấp theo quy định của Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 có giá trị như chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quy định tại Thông tư này và tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu phải tham dự thi để được cấp chứng chỉ theo quy định tại Thông tư này.

2.⁴⁹ Chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu đã được cấp, cấp lại theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và còn hiệu lực ghi trên chứng chỉ có giá trị như chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quy định tại Thông tư này và tiếp tục có hiệu lực theo thời hạn ghi tại chứng chỉ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Sau thời hạn ghi tại chứng chỉ, cá nhân có nhu cầu gia hạn thì thực hiện thủ tục đăng ký cấp chứng chỉ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 17 của Thông tư này và gửi đến Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu để được cấp chứng chỉ theo đúng quy định.

Trường hợp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu đã được cấp còn thời

⁴⁷ Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026, quy định như sau: "Cá nhân đã được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo quy định hoặc các chứng chỉ có giá trị như chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT) còn hiệu lực thì được sử dụng các chứng chỉ này để tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định trong lựa chọn nhà đầu tư."

⁴⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁴⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Thông tư này, cá nhân có nhu cầu cấp lại thì thực hiện thủ tục đăng ký cấp chứng chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 của Thông tư này và gửi đến Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu để được cấp chứng chỉ theo đúng quy định.

3. Chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu đã được cấp nhưng hết hiệu lực trong năm 2024 có giá trị như chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quy định tại Thông tư này và tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, cá nhân có nhu cầu gia hạn hiệu lực chứng chỉ thực hiện thủ tục cấp⁵⁰ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 và khoản 5 Điều 17 của Thông tư này.

4. Cá nhân đã được cấp chứng chỉ tham gia khóa học về đấu thầu, chứng chỉ đào tạo đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, cá nhân được cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 còn hiệu lực thì được sử dụng các chứng chỉ này để tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định trong lựa chọn nhà đầu tư cho đến thời điểm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5.⁵¹ Đối với các kỳ thi được tổ chức trước ngày 15 tháng 11 năm 2025, việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ được thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024. Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đã được cấp bởi Cục Quản lý đấu thầu, sau thời hạn ghi tại chứng chỉ, cá nhân có nhu cầu gia hạn thì thực hiện thủ tục đăng ký cấp chứng chỉ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 17 của Thông tư này và gửi đến Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu để được cấp chứng chỉ theo đúng quy định.

Điều 38. Hiệu lực thi hành⁵²

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

⁵⁰ Cụm từ “gia hạn” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁵¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁵² Điều 2 Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025, quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản thi hành.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư này) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

3. Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”

Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026, quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.”

2. Các nội dung quy định tại Điều 37 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

3. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu hết hiệu lực thi hành.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Tài chính⁵³ để kịp thời hướng dẫn./. *18*

BỘ TÀI CHÍNH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Vụ PC (để đăng trên CSDL quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, QLĐT (5b) *~*



Trần Quốc Phương

⁵³ Cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Tài chính” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

PHỤ LỤC 1

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU

(Ban hành kèm theo Thông tư số:...../2024/TT-BKHĐT
ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Căn cứ nhu cầu của học viên về cập nhật, nâng cao kiến thức nghiệp vụ chuyên môn đấu thầu, cơ sở đào tạo đấu thầu có thể tổ chức bồi dưỡng theo một hoặc các chuyên đề sau đây:⁵⁴

A. Đối với lựa chọn nhà thầu

I. Chuyên đề 1: Tổng quan lựa chọn nhà thầu

1. Quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật về đấu thầu
2. Các nguyên tắc của đấu thầu mua sắm công
3. Các chức năng của đấu thầu mua sắm công
4. Tính liên chính và đạo đức nghề nghiệp trong đấu thầu mua sắm công

II. Chuyên đề 2: Quy định chung trong lựa chọn nhà thầu

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu
3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu
4. Cung cấp và đăng tải thông tin trong đấu thầu
5. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu
6. Chi phí trong đấu thầu
7. Các hành vi bị cấm trong đấu thầu và xử lý vi phạm
8. Trách nhiệm của các bên trong hoạt động lựa chọn nhà thầu

III. Chuyên đề 3: Kế hoạch tổng thể và kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Nguyên tắc lập kế hoạch
2. Kỹ năng lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch
3. Bài tập về kế hoạch tổng thể, kế hoạch lựa chọn nhà thầu

IV. Chuyên đề 4: Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu không qua mạng

1. Đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế:
 - a) Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ
 - b) Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ
 - c) Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ
 - d) Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ
2. Đối với chào hàng cạnh tranh
3. Đối với chỉ định thầu
4. Đối với mua sắm trực tiếp

⁵⁴ Đoạn này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

5. Đối với tự thực hiện
6. Đối với lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt
7. Đối với lựa chọn tư vấn cá nhân
8. Bài tập thực hành về kỹ năng lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

V. Chuyên đề 5: Mua sắm tập trung

1. Nguyên tắc trong mua sắm tập trung
2. Quy trình mua sắm tập trung
3. Nội dung thoả thuận khung
4. Trách nhiệm trong mua sắm tập trung

VI. Chuyên đề 6: Mua sắm trong lĩnh vực y tế

1. Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế
2. Ưu đãi trong mua thuốc
3. Bài tập thực hành

VII. Chuyên đề 7: Đấu thầu qua mạng

1. Quy định chung về đấu thầu qua mạng
2. Quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng
3. Thực hành kỹ năng đăng tải thông tin, lập hồ sơ, đánh giá hồ sơ, tổ chức lựa chọn nhà thầu, tham dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

VIII. Chuyên đề 8: Hợp đồng

1. Các loại hợp đồng
2. Điều kiện ký kết hợp đồng
3. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng
4. Sửa đổi hợp đồng
5. Điều chỉnh giá hợp đồng
6. Quản lý thực hiện hợp đồng
7. Thanh toán hợp đồng
8. Thanh lý hợp đồng
9. Uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, đánh giá chất lượng hàng hóa đã sử dụng
10. Bài tập thực hành

IX. Chuyên đề 9: Xử lý tình huống trong đấu thầu

1. Các quy định về xử lý tình huống trong đấu thầu
2. Nguyên tắc xử lý tình huống trong đấu thầu
3. Bài tập thực hành

X. Chuyên đề 10: Xử lý kiến nghị, kiểm tra, giám sát trong đấu thầu

1. Điều kiện xem xét, giải quyết kiến nghị
2. Quy trình giải quyết kiến nghị về lựa chọn nhà thầu
3. Khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

4. Kiểm tra và báo cáo công tác đấu thầu
5. Giám sát hoạt động đấu thầu

B. Đối với lựa chọn nhà đầu tư

I. Chuyên đề 1: Tổng quan lựa chọn nhà đầu tư

1. Quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
2. Các nguyên tắc của đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
3. Các chức năng của đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
4. Tính liêm chính và đạo đức nghề nghiệp trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

II. Chuyên đề 2: Quy định chung trong lựa chọn nhà đầu tư

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
2. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư
3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu
4. Cung cấp và đăng tải thông tin trong đấu thầu
5. Ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư
6. Chi phí trong đấu thầu
7. Các hành vi bị cấm trong đấu thầu

III. Chuyên đề 3: Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP không qua mạng

1. Tổng quan về đấu tư theo phương thức PPP
2. Trình tự, thủ tục triển khai dự án PPP
3. Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư
4. Sơ tuyển
5. Quy trình đấu thầu rộng rãi
6. Quy trình đàm phán cạnh tranh
7. Quy trình chỉ định thầu
8. Triển khai thực hiện dự án PPP
9. Hợp đồng dự án PPP
10. Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước trong hoạt động đấu tư theo phương thức PPP
11. Giám sát hoạt động đấu tư theo phương thức PPP
12. Giải quyết kiến nghị, tranh chấp và xử lý vi phạm
13. Bài tập thực hành về kỹ năng lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư

IV. Chuyên đề 4: Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh

1. Tổng quan về pháp luật đầu tư dự án đầu tư kinh doanh
2. Trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư kinh doanh
3. Mời quan tâm
4. Quy trình đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn một túi hồ

sơ; một giai đoạn hai túi hồ sơ; hai giai đoạn

5. Quy trình đấu thầu hạn chế
6. Kiểm tra, thanh tra, giám sát dự án đầu tư kinh doanh
7. Giải quyết kiến nghị, tranh chấp và xử lý vi phạm
8. Triển khai thực hiện dự án
9. Hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh
10. Bài tập thực hành về kỹ năng lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư

V. Chuyên đề 5: Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng

1. Tổng quan về dự án đầu tư có sử dụng đất
2. Mời quan tâm
3. Quy trình đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ; một giai đoạn hai túi hồ sơ; hai giai đoạn
4. Quy trình đấu thầu hạn chế
5. Kiểm tra, thanh tra, giám sát dự án đầu tư có sử dụng đất
6. Giải quyết kiến nghị, tranh chấp và xử lý vi phạm
7. Triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất
8. Giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư trúng thầu
9. Hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất
10. Bài tập thực hành về kỹ năng lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư

VI. Chuyên đề 6: Đấu thầu qua mạng

1. Quy định chung về đấu thầu qua mạng
2. Quy trình lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP qua mạng
3. Quy trình lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất qua mạng
4. Quy trình lựa chọn nhà đầu tư dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực qua mạng
5. Thực hành kỹ năng đăng tải thông tin, lập hồ sơ, đánh giá hồ sơ, tổ chức lựa chọn nhà thầu, tham dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

VII. Chuyên đề 7: Xử lý tình huống trong đấu thầu

1. Các quy định về xử lý tình huống trong đấu thầu qua mạng và không qua mạng
2. Nguyên tắc xử lý tình huống trong đấu thầu
3. Bài tập thực hành

C. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG THEO CHUYÊN ĐỀ

(Đoạn này được bãi bỏ)⁵⁵

1. Chuyên đề: Cập nhật các quy định mới về đấu thầu
2. Chuyên đề: Kỹ năng lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cho các lĩnh vực xây lắp, mua sắm hàng hoá, dịch vụ phi tư vấn và dịch vụ tư vấn, hỗn hợp.
3. Chuyên đề: Kỹ năng lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cho các dự án PPP, dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.
4. Chuyên đề: Kỹ năng thẩm định trong đấu thầu
5. Chuyên đề: Xây dựng giá đánh giá
6. Chuyên đề: Kỹ năng thương thảo, soạn thảo và quản lý hợp đồng.
7. Chuyên đề: Quản trị rủi ro trong đấu thầu
8. Chuyên đề: Đấu thầu trong lĩnh vực y tế
9. Chuyên đề: Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm trong đấu thầu
10. Chuyên đề: Xử lý các vướng mắc, tình huống trong đấu thầu
11. Chuyên đề: Đấu thầu qua mạng
12. Các chuyên đề khác theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân.

⁵⁵ Đoạn này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

PHỤ LỤC 2**Mẫu chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu***(Ban hành kèm theo Thông tư số: .../2024/TT-BKHĐT**ngày tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)***a) Mặt trong:**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU (1)	
[CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ]	
Cấp cho Ông (Bà): _____	
Ngày sinh: _____	Số thẻ căn cước/hộ chiếu: _____
Xếp loại chứng chỉ: _____ (2)	
Hiệu lực chứng chỉ: 05 năm kể từ ngày _____ (3)	
_____, ngày ____ tháng ____ năm ____ (4)	
THỦ TRƯỞNG <i>[Ký, họ tên và đóng dấu]</i>	
Số chứng chỉ: _____	

Ghi chú:(1)⁵⁶ *(được bãi bỏ)*

(2) Ghi “gia hạn” đối với chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu được cấp ⁵⁷từ chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 37 của Thông tư này.

(3) Ghi ngày quyết định bắt đầu⁵⁸ có hiệu lực cấp⁵⁹ chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

(4) Ghi ngày cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

⁵⁶ Ghi chú (1) tại Phụ lục 2 được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

⁵⁷ Cụm từ “gia hạn” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁵⁸ Cụm từ “ngày ban hành quyết định” được thay thế bởi cụm từ “ngày quyết định bắt đầu có hiệu lực” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁵⁹ Cụm từ “cấp lần đầu, cấp gia hạn” được thay thế bởi cụm từ “cấp” theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

PHỤ LỤC 3: CÁC BIỂU MẪU

Mẫu số 01 (webform trên Hệ thống)⁶⁰ (được bãi bỏ)

Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống)

**[CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN
THAM GIA HỆ THỐNG]**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN THAM GIA HỆ THỐNG
(Đối với đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu)

Kính gửi:

1. Tên đơn vị:.....

2. Thông tin chứng thực

2.1 Mã số thuế:.....

2.2 Quyết định thành lập số:.....ngày:.....

3.⁶¹ (được bãi bỏ)

4. Địa chỉ trụ sở

4.1 Địa chỉ:.....

4.2 Điện thoại:.....

5. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị:

5.1 Họ và tên:.....

5.2 Chức danh:.....

5.3 Số thẻ căn cước/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

5.4 Điện thoại:.....

5.5 Email:.....

6. Thông tin người quản lý tài khoản tham gia hệ thống:

⁶⁰ Mẫu số 01 của Phụ lục 3 được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁶¹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

- 6.1 Họ và tên:
- 6.2 Chức danh:
- 6.3 Phòng ban:.....
- 6.4 Số thẻ căn cước/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....
- 6.5 Điện thoại: :.....
- 6.6 Email:.....
- 6.7 Địa chỉ liên lạc:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TỔ CHỨC THI
CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ
CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU**
(Ký tên và đóng dấu)

** Ghi chú: Hồ sơ đăng ký tổ chức tham gia Hệ thống của đơn vị tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu bao gồm: quyết định thành lập hoặc quyết định chức năng, nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương của đơn vị sự nghiệp công lập; đơn đăng ký theo mẫu đã được ký đóng dấu và các hồ sơ khác (nếu có).*

Mẫu số 03 (webform trên Hệ thống)⁶² (được bãi bỏ)

Mẫu số 04 (webform trên Hệ thống)⁶³ (được bãi bỏ)

Mẫu số 05 (webform trên Hệ thống)⁶⁴ (được bãi bỏ)

Mẫu số 06 (webform trên Hệ thống)⁶⁵ (được bãi bỏ)

⁶² Mẫu số 03 của Phụ lục 3 được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁶³ Mẫu số 04 của Phụ lục 3 được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁶⁴ Mẫu số 05 của Phụ lục 3 được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

⁶⁵ Mẫu số 06 của Phụ lục 3 được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 105/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.